XXII

Chiều hôm ấy ngồi trong văn phòng của Hãng, tôi ngắm nghía những tấm ảnh Mansoure đã cho tôi.

Một người to béo ngồi giữa một chiếc trường kỷ. Y mặc một chiếc áo ngủ bằng lụa thêu hoa. Giữa ngón cái và ngón trỏ bàn tay phải, một chiếc bót thuốc lá. Tay trái giữ những trang của một cuốn sách đặt trên đầu gối. Đầu hói, lông mày rậm, và mi mắt cụp. Y đang đọc. Mùi ngắn và dày, nếp miệng chua chát, mặt béo và mang vẻ phương Đông, tựa một con chó bò hay chuột. Bên trên y, tượng gỗ thiên thần mà tôi đã thấy trên trang bìa họa báo, đằng sau Denise Coudreuse.

Tấm thứ hai chụp y ở tư thế đứng, mặc một bộ com-lê trắng với áo vét cài chéo, sơ- mi kẻ sọc và cà- vạt sẫm. Tay trái nắm chặt một chiếc can có đầu quả táo. Cánh tay phải gập lại với bàn tay hé mở khiến y có cái dáng kiểu cách. Y đứng rất cứng, gần như kiễng trên đôi giày “đơ- cu- lơ”. Y dần tách ra khỏi tấm ảnh, hoạt động lên và tôi thấy y đi dọc theo một đại lộ, dưới hàng cây, bước chân tập tễnh.

XXIII

Ngày 7 tháng 11 năm 1966

Đối tượng: SCOUFFI.

Sinh tại Alexandre (Ai Cập), ngày 28 tháng 4 năm 1885

Alexandre Scouffi đến Pháp đầu tiên vào năm 1920.

Đã lần lượt ở:

26 phố Naples, Paris (Q.8)

11 phố Berne, Paris(Q.8) trong một căn hộ cho thuê có đồ đạc.

Khách sạn Chicago, 99 phố Rome, Paris (Q.17)

97 phố Rome, Paris (Q.17) lầu 5.

Scouffi là người làm văn học đã in nhiều bài trong các tạp chí khác nhau, những bài thơ mọi thế loại và hai cuốn tiểu thuyết: Khách sạn Cá Vàng và Tàu bỏ neo.

Cũng nghiên cứu ca khúc và mặc dù không hành nghề ca sĩ trữ tình, đã biểu diễn ở Hội trường Pleyel và ở rạp hát La Monnaie ở Bruxelles. Ở Paris, Scouffi bị cảnh sát thời lưu để ý, coi là không thể dung nạp, thậm chí người ta đã tính đến chuyện trục xuất y.

Tháng 11 năm 1924, hồi ở số nhà 26 phố Naples y đã bị cảnh sát thẩm vấn vì định cưỡng dâm một thiếu niên chưa đến tuổi trưởng thành.

Từ tháng 11/1930 đến tháng 9/1931, y sống ở khách sạn Castille, 99 phố Rome với Pirre D., một thanh niên 20 tuổi, lính công binh đoàn 8 ở Versailes. Hình như Scouffi hay lui tới các bar đặc biệt ở Montmatre. Scouffi có những khoản thu nhập lớn từ những tài sản thừa kế của cha ở Ai Cập.

Bị ám sát trong phòng ở độc thân ở số nhà 97 phố Rome. Không tìm ra hung thủ.

Đối tượng: DE WRÉDE, Oleg

AUTeuil 54-73

Cho đến nay vẫn không xác định được người mang tên này.

Có thể đó là một tên giả hay tên mượn.

Hoặc tên một ngoại kiều chỉ lưu trú ở Pháp một thời gian ngắn.

Số điện thoại AUTeuil 54- 73 không được phân cho ai kể từ năm 1952.

Trong mười năm, từ 1942 đến 1952 nó đã được phân cho:

XƯỞNG CHỮA XE HƠI SAO CHỔI

5 phố Foucault, Paris 16

Xưởng này đã đóng cửa từ năm 1952 và sắp tới sẽ được thay thế bằng một nhà cho thuê

Kèm theo tờ đánh máy này là mấy dòng thư.

“Đó, bạn thân mến, tất cả những thông tin mà tôi có thể thu nhập được. nếu bạn cần thêm những thông tin khác, xin cứ báo tôi, đừng ngần ngại. Và chuyển tất cả tình thân ái của tôi đến Hutte.

“Jean- Pirre Bernady của bạn”

XXIV

Nhưng tại sao Scouffi, cái gã to béo có bộ mặt chó bò ấy lại chập chờn trong ký ức mù sương của tôi, chứ không phải một người nào khác? Có lẽ tại bộ đồ trắng của y. Một đốm rực rỡ tựa khi người ta vận núm của một cái máy thu thanh và giữa những tiếng lạo xạo và mọi thứ tạp âm, bỗng nổi lên âm thanh của một dàn nhạc hay một giọng trong ngần….

Tôi nhớ cái đốm sáng do bộ đồ trắng ấy tạo nên trong cầu thang và những tiếng cộp cộp đều đều của chiếc can đầu quả táo nện trên các bậc. Ở thềm nghỉ mỗi tầng cầu thang, y lại dừng. Tôi đã gặp phải nhiều lần khi tôi lên căn hộ của Denise. Tôi thấy lại rất rõ nét tay vịn bằng đồng, bức tường màu be, những cánh cửa kép bằng gỗ sẫm màu của các căn hộ. Ánh sáng một ngọn đèn ngủ ở các tầng và cái đầu ấy, cái nhìn dịu dàng và buồn bã của loài chó bò ló ra từ trong bóng tôi… Thậm chí tôi cho rằng y còn chào tôi khi đi qua.

Một tiệm cà phê ở góc phố Rome và đại lộ Batignolles. Mùa hè, khách tràn cả ra hè và tôi ngồi ở một bàn ngoài hiên. Chiều, Tội đợi Denise. Những tia nắng cuối cùng còn vương vấn trên mặt tiền và những cửa kính ghép màu của xưởng chữa xe hơi phía bên kia phố Rome, ven đường sắt…

Bỗng nhiên, tôi trông thấy y băng qua đại lộ.

Y vận bộ đồ trắng và tay phải cầm chiếc can dầu quả táo. Y hơi tập tễnh. Y đi về phía Quảng trường Clichy và tôi không rời mắt khỏi cái bóng trắng cứng quèo ấy, dưới hàng cây cuối cùng biến mất. Bấy giờ, tôi bèn uống một hớp bạc hà pha nước và tự hỏi y có thể tìm kiếm cái gì ở đằng ấy. Y đi đến chỗ hẹn nào?

Denise thường hay đến trễ. Nàng làm việc- nhờ cái bóng trắng xa dần dọc theo đại lộ ấy, giờ đây tất cả trở lại trong trí nhớ tôi - nàng làm việc ở nhà một chủ hiệu may, phố La Boétie, một gã tóc vàng, mảnh khảnh mà sau này người ta nhắc đến nhiều, nhưng hồi bấy giờ mới bắt đầu làm ăn. Tôi nhớ tên anh ta: Jacques và nếu tôi chịu khó, tôi sẽ tìm ra cả họ anh ta trong những cuốn Bottin cũ của Hutte- Phố La Bóetie.

Đêm đã xuống khi nàng đến gặp tôi ở ngoài hiên quán cà phê đó, nhưng điều đó không làm tôi phiền lòng, tôi có thể ngồi ì lâu nữa trước ly bạc hà pha nước của mình. Tôi ưng đợi ở ngoài hiên này là căn hộ nhỏ bé của Denise gần đó. Chín giờ, Y băng qua đại lộ, theo thông lệ của y. Tưởng như bộ đồ của y có lân quang vậy. Một buổi tối, Denise và y đã trao đổi với nhau vài câu dưới hàng cây dọc nền đất đắp cao. Bộ đồ trắng đến lóa mắt ấy, bộ mặt chó bò xám ngoét ấy, vòm lá xanh ánh điện ấy có một cái gì mang vẻ mùa hè và hư ảo.

Denise và tôi đi ngược chiều với y và chúng tôi theo đại lộ Courcelles. Paris mà hai chúng tôi đi dạo hồi ấy cũng có vẻ mùa hè và hư ảo như bộ com-lê phát lân quang của gã Scouffi ấy. Chúng tôi bồng bềnh trong một đêm thơm lừng mùi hương cây râm khi chúng tôi đi qua trước những hàng rào sắt trong công viên Monceau. Rất ít xe cộ. Đèn đỏ, đèn xanh nhẹ nhàng bật lên chẳng để làm gì và những hiệu lệnh màu xen kẽ của chúng cũng êm dịu và đều đặn như tàu lá cọ đu đưa.

Gần đầu đại lộ Hoche, phía tay trái, trước khi đến quảng trường Ngôi Sao, những cửa sổ lớn lầu một của cái khách sạn riêng xưa kia thuộc về ngài Basil Zaharoff vẫn còn sáng đèn. Sau này- hay có lẽ cùng thời kỳ ấy cũng nên- tôi hay lên lầu của một cái khách sạn riêng ấy: những văn phòng và bao giờ cũng có rất nhiều người trong các văn phòng. Những tốp người trò chuyện, những tốp khác gọi điện thoại rối rít. Một sự đi đi lại lại hằng xuyên. Và tất cả những người ấy thậm chí không cởi áo pa- đờ- xuy. Tại sao một số điều trong quá khứ lại đột ngột hiện rõ nét như ảnh chụp vậy?

Chúng tôi ăn chiều ở một tiệm ăn baxcơ, về phía đại lộ Victor Hugo. Tối hôm qua, tôi đã thử tìm lại tiệm đó mà không thấy. Tuy nhiên, tôi đã sục khắp khu phố. Xưa nó ở góc hai phố rất tĩnh và ở đằng trước có một ngoại hiên được che chở bằng những chậu cây xanh và tấm bạt lớn xanh đỏ của bức mành sáo. Rất đông khách. Tôi nghe thấy tiếng trò chuyện lao xao, những ly cốc lanh tanh, tôi trông thấy cái quầy rượu bằng gỗ dái ngựa ở bên trong tiệm, trên đó một bích họa dài thể hiện một cảnh Bờ biển Bạc. Và tôi còn nhớ một số gương mặt. Cái gã cao, tóc vàng, mảnh khảnh ở phố La Bóetie, nơi Denise làm việc, gã đến ngồi vào bàn chúng tôi một lát. Một gã tóc nâu để ria mép, một phụ nữ tóc hung, một gã khác cũng tóc vàng nhung loăn xoăn lúc nào cũng cười và buồn thay, tôi không xác định được một cái tên nào trên những gương mặt đó….. Cái đầu hói của người phục vụ bar đang pha một loại cốc- tay mà chỉ riêng y nắm được bí quyết. Chỉ cần nhớ ra tên loại cốc cốc-tay mà chỉ riêng y nắm được bí quyết. Chỉ cần nhớ ra tên loại cốc-tay đ- cũng là tên tiệm ăn luôn- là đánh thức được nhiều kỷ niệm khác, nhưng làm sao nhớ được? Tối hôm qua, đi dọc đi ngang những phố này, tôi biết chúng vẫn y như trước mà tôi vẫn không sao nhận ra. Các tòa nhà không thay đổi, chiều rộng các vỉa hè cũng vậy, nhưng hồi đó, ánh sáng thật khác và có một cái gì khác phảng phất trong không khí…..

Chúng tôi quay về cũng bằng đường ấy. Chúng tôi thường đi xem phim ở một khu phố mà tôi đã tìm lại được: rạp Royal- Villers ở quảng trường Lévis. Chính cái quảng trường với những chiếc ghế băng, cột trụ Morris và đám cây cối đã giúp tôi nhận ra chỗ này, hơn là mặt tiền của rạp chiếu bóng.

Nếu tôi nhớ những phim chúng tôi đã xem, tôi sẽ xác định được đúng thời kỳ đó, nhưng chúng chỉ còn để lại trong tôi những hình ảnh mơ hồ: một chiếc xe trượt tuyết. Một ngươi đàn ông mặc xmôkinh bước vào một ca-bin tàu biển, những bóng người khiêu vũ đằng sau một cửa sổ sát đất…

Chúng tôi trở lại phố Rome. Hôm nay tôi đã đi dọc phố này đến tận số nhà 97 và tôi cho là mình đã sống lại cũng cái cảm giác bối rối thời bấy giờ khi nhìn thấy những hàng rào kim loại, con đường sắt và bên kia đường sắt, tấm bích chương quảng cáo rượu vang DUBONNET phủ kín cả mảng tường một tòa nhà, từ bấy đến nay, sắc màu chắc chắn đã xỉn.

Ở số nhà 99, khách sạn Castille không còn tên “Chicago” nữa, nhưng ở quầy tiếp tân không ai có thể cho tôi biết nó đã đổi tên từ hồi nào. Điều đó chả quan trọng gì hết.

Số 97 là một khu chung cư rất rộng. Nếu Scouffi ở lầu 5 thì căn hộ của Denise ở ngay bên dưới, lầu 4. Ở mé phải hay mé trái khu nhà? Mặt tiền của khu nhà có ít ra là một tá cửa sổ ở mỗi tầng lầu, hẳn là mỗi tầng lầu chia làm hai hay ba căn hộ. Tôi ngắm cái mặt tiền này hồi lâu, hy vọng nhận ra một cái bao lơn, hình dáng hay những cánh gỗ của một cửa sổ. Không, cảnh này không gợi cho tôi gì hết.

Cả cầu thang gác cũng vậy. Tay vịn không phải là cái tay vịn lấp lánh ánh sáng đồng trong ký ức tôi. Các cửa căn hộ không phải bằng gổ sẫm màu. Và nhất là ánh sáng rơle thời gian không có cái màn sương mờ mờ từ đó nhô ra cái đầu chó bò bí ẩn của Scouffi. Đừng có hỏi bà gác cổng làm gì, vô ích. Bà ta sẽ sinh nghi, và chăng các bà gác cổng cũng thay đổi như tất cả mọi sự vật.

Denise có còn ở đây khi Scouffi bị ám sát không nhỉ? Một sự kiện bi thảm như như vậy ắt để lại một dấu nào đó, nếu ta sống cái không khí đó ở tầng dưới. Không một dấu vết nào của cái đó trong ký ức tôi. Chắc hẳn Denise không ở lâu trong số nhà 97 phố Rome, có lẽ chỉ vài tháng. Tôi có ở với nàng không nhỉ? Hay tôi có một nơi cư trú khác ở Paris.

Tôi nhớ một đêm chúng tôi về rất khuya. Scouffi ngồi trên một bậc cầu thang. Y bắt chéo hai bàn tay quanh cái đầu quả táo của cây can và tì cằm lên đó. Nét mặt y hoàn toàn kéo lêch xuống, cái nhìn chó bò của y đượm một vẻ khốn quẫn. Chúng tôi dừng lại trước mặt y. Y không nhìn thấy chúng tôi. Chúng tôi những muốn nói với y, đỡ y lên đến căn hộ của y, nhưng y im sững bất động như một bù nhìn bằng sáp, Rơle thời gian tắt và chỉ còn cái đốm trắng phát lân quang của bộ đồ y mặc.

Tất cả những cái đó, chắc là vào buổi đầu, khi Denise và tôi mới quen nhau.

XXV

Tôi vặn núm tắt đèn, nhưng đáng lẽ rời khỏi căn phòng của Hutte thì tôi nán lại mấy giây trong bóng tối. Rồi tôi bật lại, và lại tắt. Tôi bật tắt lần thứ ba. Và lại tắt. Điều đó đánh thức một cái gì nơi tôi: tôi thấy tắt đèn ở một gian phòng cùng kích thước với phòng này vào một thời kỳ mà tôi không thể xác định nổi. Và cái động tác ấy, tối nào tôi cũng lập lại, vào cùng một giờ.

Ngọn đèn đường ngoài đại lộ Niel làm mặt gỗ bàn giấy và ghế bành của Hutte lấp lánh. Hồi ấy, tôi cũng đứng nguyên bất động một lúc sau khi tắt điện, như thế tôi sợ đi ra. Có một tủ sách lắp cửa kính kê sát tường cuối phòng, một lò sưởi bằng đá hoa màu xám bên trên treo một tấm gương, một bàn giấy rất nhiều ngăn kéo và một trường kỷ gần cửa sổ, nơi tôi thường nằm dài đọc sách, báo. Cửa sổ nhìn ra một con phố lặng lẽ giữa hai hàng cây.

Đó là một khách sạn riêng nhỏ dùng làm trụ sở cho một công sứ quán Nam Mỹ. Tôi không còn nhớ là tôi được giữ một văn phòng trong công sứ quán ấy với danh nghĩa gì. Một người đàn ông và một phụ nữ, mà họa hoằn tôi mới gặp, chiếm những văn phòng khác bên cạnh văn phòng tôi và tôi nghe thấy họ đánh máy chữ.

Tôi tiếp những người khách hiếm hoi đến xin tôi cấp thị thực xuất nhập cảnh. Điều đó bất thần trở lại trong trí nhớ khi tôi lục cái hộp bích- qui do người làm vườn ở Valbreuse cho và xem xét tấm hộ chiếu của Cộng hòa Đôminích cùng những tấm ảnh căn cước. Nhưng tôi làm việc cho một người nào đó mà tôi thay thế trong văn phòng này. Một lãnh sự? Một đại biểu? Tội không quên rằng tôi vẫn gọi dây nói cho ông ta để xin chỉ thị. Hồi ấy, tôi là ai?

Và trước hết, cái công sứ quán ấy ở đâu? Trong nhiều ngày, tôi đã đi ngang dọc khắp quận 16 vì con phố lặng lẽ giữa hai hàng cây mà tôi thấy trong kỷ niệm, ứng với những con phố trong khu này. Tôi như người tìm mạch nước rình ngóng từng dao động nhỏ của cái quả lắc đồng hồ. Tôi đứng canh mỗi đầu phố, hy vọng đám cây cối, nhà cửa gây cho tôi một cú trong tim. Hình như tôi đã cảm thấy cái nhói đó ở ngã tư phố Molitor và Mirabeau và bỗng nhiên tôi dám chắc là dạo ấy, tối nào tôi cũng quanh quẩn ở đây sau khi ra khỏi công sứ quán.

Trời tối, trong khi đi theo hành lang dẫn ra cầu thang, tôi nghe thấy tiếng máy chữ và tôi ló đầu qua khe cửa hé mở. Người đàn ông đã đi khỏi và nàng còn lại một mình trước cái máy chữ. Tôi lên tiếng chào. Nàng ngừng gõ máy và quay đầu lại. Một nàng tóc nâu xinh đẹp, tôi nhớ bộ mặt đẹp của nàng. Nàng nói với tôi điều gì đó bằng tiếng Tây Ban Nha, mỉm cười với tôi và tiếp tục làm việc. Sau khi dừng lại một lát ở tiền sảnh, cuối cùng tôi quyết định đi ra.

Và tôi dám chắc là tôi đi xuôi phố Mirabeau, thằng tắp, tối hút và vắng tanh đến nỗi tôi phải rảo bước, sợ có ai để ý vì tôi là kẻ bộ hành duy nhất. Mé dưới, trên quảng trường, chỗ ngã tư đại lộ Versailles, một quán cà- phê hãy còn sáng đèn.

Cũng có khi tôi theo con đường ngược lại và đi sâu vào các phố tĩnh mịch của khu Auteuil. Tại đó, tôi cảm thấy an toàn. Cuối cùng, tôi đâm ra đường Nàng Câm. Tôi nhớ những khu nhà trên đại lộ Emile- Angier và con phố tôi rẽ vào ở bên phải. Ở tầng trệt, một cửa sổ kính mờ. Denise chờ tôi cách đó quãng, trong một tiệm ăn Nga.

Tôi hay viện dẫn những bar hoặc tiệm ăn, nhưng nếu thỉnh thoảng không có một biển tên phố hay một biển hàng rực sáng thì lấy gì dẫn lối cho tôi?

Tiệm ăn kéo dài ra một khu vườn có tường quay. Qua một khung cửa, người ta thấy phòng trong phủ nhung đỏ. Trời hãy còn sáng khi chúng tôi ngồi vào một bàn trong vườn. Có một người chơi đàn xita. Âm thanh vang vang của nhạc cụ này, ánh nhập nhoạng hoàng hôn trong vườn và những mùi lá chắc hẳn phả đến từ khu rừng gần đấy, tất cả những cái đó tham gia vào sự bí ẩn và u sầu của thời ấy. Tôi cố tìm lại tiệm ăn Nga. Hoài công, Phó Mirabeau thì không thay đổi. Những tối nào tôi nán lại côn sứ quán muốn hơn, tối tiếp tục con đường của mình bằng đại lộ Versailles. Lẽ ra tôi có thể đi xe điện ngầm, nhưng tôi thích dạo bước ngoài không khí thoáng đãng. Bến tàu Passy. Cầu Bir- Hakeim. Tiếp đến đại lộ New York mà tối nọ, tôi đã cùng Waldo Blunt đi dọc theo và lúc này, tôi chợt hiểu ra tại sao tôi thấy nhói một cái ở tim. Tôi giẫm lên những bước ngày xưa của mình mà không biết. Tôi đã đi theo đại lộ New York biết bao lần… Quảng trường Alma, ốc đảo đầu tiên. Rồi cây cối và không khí mát mẻ của Cours- la- Reine. Sau khi băng qua quảng trường Hòa Hợp, tôi gần như chạm tới đích. Phố Hoàng Gia. Tôi rẽ phải, phố Saint- Honoré. Bên trái, phố Cambon.

Không một ánh đèn nhỏ nào ở phố Cambon, trừ một vệt phản quang tím chắc là phát ra từ một tủ kính. Tôi lủi thủi một mình. Một lần nữa, nỗi sợ lại thộp lấy tôi, cái nỗi sợ mà lần nào đi xuôi phố Mirabeau tôi cũng cảm thấy, sợ người ta để ý thấy mình, người ta ách lại, hỏi giấy… Còn vài chục mét nữa là tới đích, mà bị thế thì thật đáng tiếc. Cần nhất là đi đến cùng với bước chân đều đặn. Khách sạn Castille. Tôi qua cửa. Không có ai ở quầy tiếp tân. Tôi qua phòng khách nhỏ, ngừng lại một chút để lấy hơi và lau mồ hôi trán. Đêm nay nữa tôi lại thoát hiểm. Nàng là người duy nhất đợi tôi, người duy nhất lo lắng nếu tôi biến mất trong thành phố này.

Một phòng ngủ tường màu ve nhạt. Những rèm đỏ kéo kín. Ánh sáng từ một ngọn đèn đầu giường, phía tay trái. Tôi ngửi thấy mùi nước hoa của nàng, một mùi ngai ngái và tôi chỉ còn thấy những vết tàn nhang trên da nàng và cái nốt ruồi phía trên mông trái nàng.

XXVI

Vào khoảng bảy giờ tối, y ở bãi tắm trở về với đứa con trai và đó là cái thời điểm y thích nhất trong ngày. Y dắt tay thằng bé để cho nó chạy lên trước.

Đại lộ vắng ngắt, vài tia nắng còn vương trên hè. Hai cha con đi dọc theo những dây cuốn và đứa bé lần nào cũng dừng lại trước cửa hiệu bánh mứt kẹo Hoàng hậu Astrid. Còn y thì nhìn tủ kính hiệu sách.

Chiều hôm đó, một cuốn sách trong tủ kính làm y chú ý. Đầu đề sách, in chữ màu lựu, có từ “ Castille” và trong khi y đi dưới những dây cuốn, nắm chặt tay đứa con trai đang vui đùa nhảy qua những tia nắng rạch xiên vỉa hè, cái từ “ Castille” ấy khiến y nhớ đến một khách sạn ở Paris, gần khu ngoại ô Saint- Honoré.

Một hôm, có một người đã hẹn gặp y ở khách sạn Castille. Y đã gặp gã này trong những văn phòng ở đại lộ Hoche, giữa cả đám người lạ thì thầm giao dịch các vụ “ áp- phe”, và gã ấy đã ngỏ ý muốn bán cho y một cái cặp trang sức và hai chiếc vòng kim cương, vì gã muốn đi khỏi nước Pháp. Gã đã giao cho y những đồ trang sức xếp trong một chiếc hộp da và họ thỏa thuận chiều hôm sau gặp lại nhau tại khách sạn Castille.

Y thấy lại trong tưởng tượng chỗ tiếp tân của khách sạn, quầy rượu nhỏ xíu ở bên cạnh và khu vườn với dây tường rào mắt cáo xanh. Người gác cửa gọi dây nói để bảo y đến và chỉ cho y số buồng.

Gã kia nằm dài trên giường, một điếu thuốc lá trên môi. Gã không nuốt khói mà bứt rứt nhả ra thành từng nạm đặc. Một gã tóc nâu cao lớn, hôm qua ở đại lộ Hoche tự giới thiệu là “ cựu tùy viên thương mại của một công sứ quán Nam Mỹ. Gã chỉ xưng gọn một cái tên tục: Pedro.

Cái gã tên là “Pedro” ngồi dậy trên mép giường và rụt rè mỉm cười với y. Không hiểu tại sao y thấy có thiện cảm với cái gã “Pedro” không quen biết này. Y cảm thấy gã bị săn đuổi trong cái phòng khách sạn này. Lập tức, y đã bán lại những đồ trang sức nọ, được một món lãi lớn. “Pedro” cảm ơn y và xếp chiếc phong bì vào ngăn kéo chiếc tủ nhỏ đầu giường.

Vào lúc ấy, y nhận thấy một cánh cửa tủ lớn, đối diện với giường, hé mở. Những chiếc áo dài và một chiếc măng-tô lông thú treo ở những cái mắc áo. Vậy là cái gã tên là “Pedro” ở đây với người đàn bà. Một lần nữa, y lại nghĩ tình cảnh của Pedro và người đàn bà này thật bấp bênh.

“Pedro” vẫn nằm dài trên giường và đã châm một điều thuốc lá mới. Con người này cảm thấy muốn tâm sự vì gã nói:

- Càng này tôi càng ít dám đi ngoài phố….

Thậm chí gã còn nói thêm:

- Có những hôm tôi sợ đến nỗi cứ nằm lì tại giường…..

Sau bao lâu, y vẫn còn nghe thấy hai câu đó của “Pedro” thốt ra bằng một giọng bặt đi… Y không biết trả lời ra sao, đành phải đánh tháo bằng một nhận xét chung, đại loại như: “chúng ta sống ở một thời kỳ lạ lùng”

Bấy giờ, “Petro” bèn nói độp một cái:

- Tôi cho rằng tôi đã tìm ra một cách để rời khỏi nước Pháp…. Có tiền thì làm gì cũng được.

Y nhớ là lúc đó, những bông tuyết rất mỏng manh- gần như những giọt mưa- xoáy lộn đằng sau những ô kính cửa số. Và cơn mưa tuyết đang rơi đó, đêm tối bên ngoài, sự chật chội của gian phòng, gây cho y một cảm giác ngột ngạt. Liệu còn có thể trốn đi một nơi nào không, kể cả bằng tiền bạc?

- Phải. “ Pedro thì thầm… Tôi có cách chạy sang Bồ Đào Nha… Qua đường Thụy Sĩ…

Cái tên “Bồ Đào Nha” lập tức gợi cho y đại dương xanh, mặt trời, một cốc nước cam uống bằng một cọng rơm dưới một cái dù. Và nếu một ngày kia – y tự chủ- chúng tôi gặp nhau. “Pedro” và mình đây, trong một quán cà phê ở Lisbonne hay ở Estori? Hai người sẽ ấn vòi chai nước ga bằng một cử chỉ uể oải… Lúc đó, họ sẽ thấy căn phòng nhỏ này của khách sạn Castille là xa vời biết mấy, với mưa tuyết, đêm tối, Paris trong mùa đông ảm đạm này, những vụ buôn bán phải làm để thoát ra…. Khi rời căn phòng, y nói với gã “Pedro” ấy: “Chúc may mắn!”

“Pedro” giờ ra sao? Y cầu chúc cho con người kia, mà y chỉ gặp có hai lần từ lâu lắm rồi, cũng được bình yên và sung sướng như y trong buổi tối mùa hè này với một đứa bé đang bước qua những vũng nắng cuối ngày trên vỉa hè.

XXVII

Guy thân mến, tôi cám ơn về bức thư của cậu. Tôi rất hạnh phúc ở Nice. Tôi đã tìm được ngôi nhà thờ Nga ở phố Longchamp mà bà tôi thường hay đưa tôi đến. Đó cũng là thời kỳ tôi nảy sinh thiện hướng đánh quần vợt khi được xem vua Gustave của Thụy điển chơi…. Ở Nice, mỗi góc phố đều nhắc tôi nhớ lại tuổi thơ.

Trong ngôi nhà thờ Nga mà tôi kể với cậu, có một gian phòng bốn xung quanh toàn những tủ sách có kính. Giữa phòng, một cái bàn lớn giống như bàn bi-a và những chiếc ghế bành cũ. Chính đấy là nơi bà tôi, mỗi ngày thứ tư, đều đến lấy mấy cuốn sách và bao giờ tôi cũng đi theo bà.

Các cuốn từ cuối thế kỷ 19. Vả lại, chỗ này vẫn giữ được cái duyên của những phòng đọc thời ấy. Tôi ở đấy hàng giờ đọc tiếng Nga mà tôi đã hơi quên.

Dựa theo nhà thờ, trải qua một khu vườn đầy bóng râm với những cây cọ và bạch đàn lớn. Giữa đám thực vật nhiệt đới ấy, sừng sững một cây bạch dương vỏ bạc. Tôi ngờ rằng người ra đã trồng nó ở đây để nhắc chúng tôi nhớ đến nước Nga xa xôi của chúng tôi.

Guy thân mến, không biết tôi có nên thú với cậu là đã xin cái chân thủ thư? Nếu chuyện đó ổn như tôi hy vọng, tôi sẽ rất sung sướng được đón tiếp cậu tại một trong những nơi chứng kiến thời thơ ấu của tôi.

Sau bao thăng trầm (tôi không dám nói với linh mục rằng tôi đã làm nghề thám tử tư), tôi trở về nguồn.

Cậu có lý khi nói với tôi rằng trong cuộc đời, không phải tương lai, mà quá khứ mới là đáng kể.

Và điều mà cậu hỏi tôi, tôi nghĩ rằng cách tốt nhất là hỏi hãng dịch vụ, “Vì lợi ích các gia đình”. Cho nên tôi vừa viết thư cho De Swert, người mà tôi thấy có điều kiện để trả lời những câu hỏi của cậu. Anh ta sẽ gửi những thông tin cho cậu rất sớm.

Của cậu.

Hutte.

TB. Về cái gã tên là “Oleg de Wrédé” mà cho đến nay chúng ta vẫn chưa xác định được, tôi xin báo cho cậu một tin vui: trong chuyến thư tới, cậu sẽ nhận được một bức cung cấp tình hình. Thật vậy, tội đã hỏi hú họa mấy thành viên cũ của khu kiều dân Nga- hoặc Batle - ở Nice, và may sao, tôi vớ được một bà Kahan, cái tên đó có gợi cho bà một số kỷ niệm. Và chăng đó là những kỷ niệm xấu xa mà bà ta muốn xóa bỏ khỏi trí nhớ, nhưng bà đã hứa với tôi sẽ viết cho cậu, kể tất cả những gì bà biết.

XXVIII

Đối tượng: COUDREUSE, Denise, Yvette.

Sinh tại: Paris, ngày 21 tháng 12 năm 1917, con của Paul COUDREUSE và Henriette, họ cha là BOGAERTS.

Quốc tịch: Pháp.

Kết hôn ngày 3/4/1939 ở tọa thị chính quận 17 với Jimmy Pedro Stern sinh ngày 30/9/1912 tại Salonique (Hy Lạp), quốc tịch Hy Lạp.

Cô Coudreuse đã lần lượt ở:

19 phố bến tàu Austerlitz, Paris (quận 13)

97 phố Rome, Paris (quận 17).

Khách sạn Castille, phố Cambon, Paris (quận 8)

10 bis phố Cambacérès, paris (quận 8)

Cô Coudreuse đã làm mẫu ảnh thời trang dưới cái tên “Muth”

Sau đó, hình như cô đã làm việc ở tiệm may của J.F, số nhà 32 phố La Bóetie, rồi canh ti với một người Hà Lan nào đó tên là Van Allen mở một hiệu may ở số 6 quảng trường Nhà hát opera Paris (quận 9) vào tháng 4/1941. Hiệu may này tồn tại ngắn ngủi và đóng cửa vào tháng 1/1945.

Cô Coudreuse hình như mất tích trong một cuộc toan tính lẻn qua biên giới Pháp- Thụy Sĩ vào tháng 2/1943. Những cuộc điều tra tiến hành ở Megevè (Thượng Savoie) và Annemasse (Thượng Savoie) không đem lại kết quả gì.

XXIX

Đối tượng: STERN, Jimmy, Pedro.

Sinh tại: Salonique (Hy Lạp), ngày 30 tháng 9 năm 1912, con của Geogre STERN và Giuvia SARANO

Quốc tịch: Hy Lạp.

Kết hôn ngày 3/4/1939 ở tòa thị chính quận 17 với Denise Yvette Coudreuse quốc tịch Pháp.

Người ta không biết nơi trú ngụ của ông Stern tại Pháp.

Chỉ có một tấm phích duy nhất lập hồi tháng 2/1939 cho biết ông Jimmy Pedro Stem dạo đó ở:

24 phố Bayrd, Paris 8

Vả chăng, đó là địa chỉ ghi trên giấy giá thú làm tại tòa thị chính quận 17.

Khách sạn Lincoln không còn nữa.

Tấm phích của khách sạn Lincoln ghi như sau:

Tên: STERN, Jimmy, Pedro

Địa chỉ: Phố Những Cửa Hiệu U Tối, số nhà 2, Rome (Ý).

Nghề nghiệp: môi giới.

Ông Jimmy Stern biệt tăm vào năm 1940.

XXX

Đối tượng: Mc EVOY, Pedro.

Rất khó nhu thập những chỉ dẫn về ông Pedro McEvoy cả ở Sở cảnh sát lẫn Phòng Chỉ dẫn chung.

Người ta báo cho chúng tôi biết rằng một ông, người Đôminích, làm việc ở công sứ quán Đôminích tại Paris, đã trú ngụ ở số 9 đại lộ Julien- Potin, Neuilly (Seine) vào tháng 12/1940.

Từ đó, mất tăm.

Rất có thể ông Pedro Mc Evoy đã rời Pháp từ hồi chiến tranh vừa qua.

Có thể đó là một người dùng tên mượn và giấy tờ giả, một điều thông thường vào thời kỳ đó.

XXXI

Đó là sinh nhật Denise. Một buổi tối mùa đông tuyết rơi trên Paris và biến thành bùn. Mọi người ào vào những lối xuống đường xe điện ngầm và bước hối hả. Những tủ kính cửa hàng ở ngoại ô Saint- Honoré rực sáng. Lễ giáng sinh đang đến gần.

Tôi vào một hiệu bán đồ nữ trang và giờ đây tôi thấy lại trong tưởng tượng mặt người chủ hiệu. Ông ta để râu và mang kính màu. Tôi mua một chiếc nhẫn cho Denise. Khi tôi rời cửa hàng, tuyết vẫn rơi. Tôi sợ Denise không đến chỗ hẹn và lần đầu tiên, tôi nghĩ hai chúng tôi có thể lạc nhau trong thành phố này giữa tất cả những cái bóng đang rảo bước nọ.

Và tôi không còn nhớ tối hôm ấy, tôi tên là Jimmy hay Petro, Stern hay McEvoy.

XXXII

Valparaiso[12]. Nàng đứng phía sau xe điện, cạnh cửa kính, ép trong đám hành khách chen chúc, giữa một người đàn ông đeo kính đen và một phụ nữ tóc nâu với một bộ mặt xác ướp phả ra một mùi nước hoa viôlét.

Chẳng mấy chốc, họ sẽ xuống gần hết ở bến đỗ quảng trường Echaurren và nàng sẽ có thể ngồi xuống. Mỗi tuần nàng chỉ đến Valparaiso có hai lần để mua hàng vì nàng ở trên đồi, khu Cerro Alegre. Tại đó, nàng thuê một căn nhà làm chỗ mở lớp dạy múa.

Nàng không tiếc là đã rời bỏ Paris năm năm trước đây, sau khi bị dập xương mắt cá, biết mình không múa được nữa. Nàng bèn quyết định ra đi, cắt đứt mọi ràng buộc với những gì đã từng là cuộc đời nàng. Tại sao lại chọn Valparaiso? Bởi vì ở đó nàng quen một người trước ở trong đoàn ba- lê Cuevas.

Nàng không tính chuyện trở lại Châu Âu nữa. Nàng sẽ ở lại trên này, dạy múa và cuối cùng sẽ quên những tấm ảnh cũ của mình trên tường, hồi nàng ở trong đoàn của đại tá Basil.

Họa hoằn nàng mới nghĩ đến đoạn đời mình trước khi xảy ra tai nạn đó. Tất cả rối tung trong đầu nàng. Lẫn lộn các tên người, ngày tháng, địa điểm. Tuy nhiên, một kỷ niệm cứ trở lại đều đặn mỗi tuần hai lần, vào cùng một giờ, ở cùng một nơi, một kỷ niệm rõ nét hơn các kỷ niệm khác.

Đó là lúc xe điện dừng ở dưới đại lộ Errazuriz. Cái đại lộ đầy bóng cây, hơi dốc lên này khiến nàng nhớ đến phố Jouy-en-Josas, nơi nàng ở hồi nhỏ. Nàng thấy lại trong tưởng tượng căn nhà ở góc phố Bác sĩ Kurzenne, cây liễu, thanh chắn màu trắng, điện thờ Tin Lành đối diện và tít bên dưới quán trọ Robin des Bois. Nàng nhớ một ngày chủ nhật khác với những chủ nhật khác. Mẹ đỡ đầu của nàng đến đón.

Nàng không biết gì về người đàn bà này, trừ cái tên của bà ta “Denise”. Bà có chiếc xe hơi bỏ mui. Hôm chủ nhật ấy, có một người đàn ông tóc nâu đi vùng với nàng. Cả ba đi ăn kem, rồi đi xuống và đến chiều, khi rời Versailles để đưa nàng về Juy-en-Josas, họ đã đứng lại trước một hội chợ. Nàng cùng với bà mẹ đỡ đầu Denise ấy leo lên một chiếc xe trong trò húc nhau, trong khi người đàn ông tóc nâu nhìn theo họ.

Nàng những muốn kỹ hơn. Đích xác, hai người ấy tên là gì nhỉ? Họ sống ở đâu? Từ bấy đến nay, họ ra sao rồi? Đấy là những câu hỏi nàng tự đề ra với mình trong khi xe điện đi theo đại lộ Errazuriz, lên dốc về phía khu Cerro Alegre.

XXXIII

Tối hôm ấy, tôi ngồi ở một bàn của tiệm bar- đồ uống- thực phẩm mà Hutte đã giới thiệu với tôi, cũng ở đại lộ Niel ngay trước Hãng chúng tôi. Một cái quầy và những sản phẩm ngoại lai trên các giá: trà, bánh loukoum, mứt cánh hoa hồng, cá trích biển Baltích. Nơi đây là chốn lui tới của các cựu jô- kê, họ trao đổi kỷ niệm bằng cách cho nhau xem những tấm ảnh quăn góc chụp những con ngựa đã bị sả thịt từ lâu.

Hai người ngồi ở bar nói chuyện nho nhỏ. Một người mặc áo măngtô màu lá chết dài chấm gót. Vóc người nhỏ bé như phần lớn các khách hàng. Y quay lại, chắc là để xem giờ trên mặt cái đồng hồ lớn treo trên cửa ra vào, và luồng mắt y chạm vào tôi.

Mặt y trở nên tái nhợt. Y trân trân nhìn tôi, miệng há hốc, mắt trố ra.

Y chậm rãi lại gần tôi, lông mày nhíu lại. Đừng trước bàn tôi.

- Pedro….

Y sờ nắn lớp vai áo vét của tôi, ngang bắp thịt cánh tay trên.

- Pedro, cậu đó ư?

Tôi ngần ngừ chưa trả lời vội. Y có vẻ thất vọng.

- Ông thứ lỗi, y nói. Ông không phải là Pedro McEvoy?

- Phải chứ, tôi nói đột ngột. Tại sao ông hỏi vậy?

- Pedro, cậu…. cậu không nhận ra mình sao?

- Không.

Y ngồi xuống trước mặt tôi.

- André Wildmer… jô- kê ấy mà… cậu không nhớ mình ư?

- Xin ông thứ lỗi, tôi nói… Trí nhớ bị nhiều lỗ hổng. Chúng ta quen nhau hồi nào nhỉ.

- Nhưng cậu còn lạ gì… cùng với Freddie mà…

Cái tên tục ấy phóng vào tôi một luồn điện. Một gã jô- kê. Người làm vườn cũ ở Valbreuse có nói với tôi về một gã jô-kê.

- Lạ thật, tôi bảo y. Ai đó đã nói với tôi về ông… Ở Valbreuse….

Mắt y nhòa lệ. Do rượu? hay do xúc động?

- Nhưng này, Pedro… Cậu không nhớ cái dạo chúng mình về Valbreuse với Freddie sao?....

- Không nhớ rõ lắm. Chính là bác làm vườn ở Valbreuse đã nói với tôi về chuyện đó….

- Pedro… nhưng vậy ra… vậy ra cậu còn sống?

Y riết tay tôi rất mạnh. Y làm tôi phát đau.

- Phải. Tại sao lại hỏi vậy?

- Cậu… cậu hiện ở Paris?

- Phải. Tại sao lại hỏi vậy?

Y nhìn tôi, hãi hùng. Y khó mà tin tôi còn sống. vậy chuyện gì đã xảy ra? Tôi rất muốn biết, song xem về y không dám trực diện đề cập đến vấn đề này.

- Mình… mình ở Givemy.. trong tỉnh Oise, y nói với tôi. Minh…Mình rất ít khi đến Paris… cậu muốn uống cái gì không, Pedro?

- Một li Marie Brizard, tôi nói.

- Vậy mình cũng thế.

Y tự tay rót rượu vào li của chúng tôi, châm rãi và tôi có cảm giác là y muốn tranh thủ thời gian.

- Pedro.. Chuyện gì đã xảy ra?

- Hồi nào?

Y uống một hơi cạn li.

- Hồi cậu định vượt biên giới cùng với Denise ấy?

Tôi biết trả lời y thế nào đây?

- Hai cô cậu chả cho bọn mình biết tin gì cả… Freddie rất lo…

Y lại rót đầy ly mình.

- Bọn mình tưởng các cậu bị lạc trong cơn bão tuyết….

- Các ông không phải lo, tôi nói.

- Thế còn Denise?

Tôi nhún vai.

- Ông nhớ rõ về Denise chứ? Tôi hỏi

- Kìa, Pedro, tất nhiên là nhớ chứ… và trước hết, tại sao cậu cứ gọi mình là ông thế?

- Xin lỗi, anh bạn thân mến, tôi nói. Ít lâu nay, mình không được minh mẫn cho lắm! Mình đang cố nhớ lại toàn bộ thời kỳ đó… Nhưng thật là mịt mù…

- Mình hiểu. Mọi cái đó thật xa xăm… Cậu nhớ đám cưới của Freddie?

Y mỉm cười.

- Không nhớ lắm!

- Ở Nice ấy… Khi cậu ta lấy Gay…

- Gay Orlow ấy à?

- Dĩ nhiên là Gay Orlow… cậu ấy còn lấy ai khác nữa?

Y có vẻ không bằng lòng chút nào khi nhận thấy cái đám cưới ấy không còn gợi cho tôi nhớ lại mấy tí.

- Ở Nice.. trong nhà thờ Nga.. một đám cưới bên đạo.. Không phải bên đời…

- Nhà thờ Nga nào?

- Một cái nhà thờ Nga nho nhỏ với một khu vườn….

Cái nhà thờ mà Hutte đã tả trong thư gửi cho tôi? Đôi khi có những sự trùng hợp thật bí ẩn.

- Ờ tất nhiên, tôi nói.. tất nhiên là thế… Ngôi nhà thờ Nga nho nhỏ ở phố Longchamp với khu vườn và thư viện xứ đạo…

- Vậy là cậu đã nhớ ra? Chúng mình là bốn người làm chứng… Chúng mình giơ những vòng hoa lên đầu Freddie và Gay….

- Bốn người làm chứng?

- Ừ… cậu, mình, ông nội của Gay…

- Ông già Giorgiadzé..

Tấm ảnh có tôi bên cạnh Gay Orlow và ông già Giorgiadzé chắc chắn là đã được chụp trong dịp này. Tôi sẽ đưa y xem.

- Và người làm chứng thứ tư là anh bạn Rubirosa…

- Ai?

- Bạn cậu.. Rubirosa.. Profirio Rubirosa. Nhà ngoại giao của Đôminích.

Y mỉm cười khi nhớ lại gã Rubirosa Porfirio ấy. Một nhà ngoại giao của Đôminích. Có lẽ tôi đã làm việc cho người này trong công sứ quán đó- Sau đó, chúng mình đến nhà ông Giorgiadzé…

- Và Denise có ở đó

Y nhún vai.

- Tất nhiên.. Rành là cậu chẳng còn nhớ gì hết….

Chúng tôi bước trễ nải, tất cả bảy người, gã jô- kê, tôi, Denise, tôi, gay Orlow và Freddie, Rubirosa và ông già Giorgiadzé. Chúng tôi vận đồ trắng.

- Giorgiadzé ở khu chung cư, góc khu vườn Alsaxe- Lorraine.

Những cây cọ cao vút trong bầu trời. và lũ trẻ con lướt trên đường trượt. Mặt tiền trắng xóa của khu chung cư với những mảnh bằng bố màu da cam. Những nhịp cười của chúng tôi trong cầu thang gác.

- Buổi tối, để mừng đám cưới đó, ông bạn Rubirosa của cậu đưa chúng ta đi ăn ở Eden Roc… Thế nào, ổn chưa? Cậu nhớ ra chứ?

Y thở rốc, như thể vừa làm một cố gắng lớn về thể xác. Y có vẻ kiệt lực sau khi gợi lại cái ngày Freddie và Gay Orlow làm lễ cưới ở nhà thờ, cái ngày nắng đẹp và vô tư lự ấy, chắc hẳn là một trong những khoảng khắc sung sướng của đời chúng tôi.

- Rút cục, tôi nói với y, mình với cậu, chúng ta quen nhau từ lâu lắm rồi…

- Phải.. Nhưng thoạt tiên, mình quen Freddie.. bởi vì mình là jô-kê của ông nội cậu ta… Chẳng may, việc đó đã không kéo dài được bao lâu… Ông cụ đã mất sạch sành sanh….

- Còn Gay Orlow… Cậu biết là…

- Phải, mình biết…Dạo ấy, mình ở ngày gần nhà cô ta…Quảng trường Aliscamps…

Cái khu nhà lớn với những cửa sổ, chắc chắn từ chỗ ấy. Gay Orlow nhìn ra trường đua ngựa Auteuil rất đẹp. Qaldo Blunt, người chồng đầu tiên của nàng đã nói với tôi rằng nàng tự tử vì nàng sợ già. Tôi đồ rằng nàng hay xem các cuộc đua ngựa từ cửa sổ phòng mình. Mỗi ngày và nhiều lần trong một cuổi chiều thôi, hàng chục con ngựa lao mình chạy vun vút dọc theo bãi và xô vào những vật chướng ngại. và những con vượt qua được, người ta còn thấy chúng trong mấy tháng nữa, rồi chúng sẽ biến đi cùng những con khác. Phải không ngừng có những ngựa mới để lần lần thay thế nhau. Và mỗi lần, vẫn cái đà ấy, cuối cùng cũng đứt đoạn. Một cảnh tượng như thế chỉ có thề gây nên buồn nản và có lẽ vì sống cạnh trường đua ngựa ấy nên Gay Orlow đã… Tôi muốn hỏi André Widmer nghĩ thế nào về điều đó. Chắc y phải hiểu. Y là jô-kê mà.

- Thật là buồn, y nói với tôi. Gay là một cô gái rất hay…

Y cúi xuống và sát mặt lại gần mặt tôi. Da mặt y đỏ và rỗ, đôi mắt màu hạt dẻ. Một vết sẹo rạch chéo má phải, đến tận cằm. Tóc cũng màu hạt dẻ, trừ một chởm bạc dựng ngược lên trán.

- Còn cậu, Pedro…

Nhưng tôi thôi không để ý nói hết câu.

- Cậu quen mình hồi mình ở đại lộ Julien- Potin, ở Neuilly, phải không? Tôi nói hú họa, vì tôi nhớ rất kĩ các địa chỉ ghi trên tấm phích “ Pedro McEvoy”

- Hồi cậu ở nhà Rubirosa ấy à? Tất nhiên.

Lại cái gã Rubirosa ấy.

- Bọn chúng mình thường đến chơi Freddie… Tối nào cũng tiệc tùng liên hoan.

Y phá lên cười.

- Anh bạn Rubirosa của cậu cho gọi các bạn nhạc đến… chơi đến tận sáu giờ sáng…. Cậu có nhớ hai bài anh ta luôn luôn chơi ghita cho chúng ta nghe?

- Không

- El reloj [13] và Tu me acostumbraste. Nhất là Tu me acostumbraste [14]

Y thổi sáo mấy phách của điệu đó.

- Thế nào?

- Phải… phải.. mình nhớ ra rồi, tôi nói.

- Các cậu đã xoay cho mình một tấm hộ chiếu Đôminích… cái đó chả giúp ích gì lắm cho mình….

- Cậu có đến gặp mình ở công sứ quán? tôi hỏi

- Phải. Hồi cậu cho mình tấm hộ chiếu Đôminích ấy.

- Mình không hiểu mình làm cái quái gì ở cái công sứ quán ấy.

- Mình đâu có biết…. Một hôm, cậu bảo mình là cậu làm cái gì đại khái như thư ký cho Rubirosa và đó là chỗ ẩn náu tốt cho cậu… Mình thấy thật buồn là Rubi chết trong cái tai nạn xe hơi ấy….

Phải, thật buồn. Lại một nhân chứng mà tôi không thể hỏi được nữa.

- Này, Pedro… Tên thật cậu là gì? Điều đó bao giờ cũng làm mình thắc mắc. Freddie bảo mình cậu không phải tên là Pedro McEvoy.. Mà chính là Rubi đã cấp giấy tờ giả cho cậu…

- Tên thật của mình? Chính mình cũng rất muốn biết.

Và tôi tủm tỉm cười để y có thể coi đó là một câu đùa.

- Freddie thì biết, vì hai cậu biết nhau từ hồi học trường trung học… Dạo ấy các cậu làm nhảm cả tai mình với những chuyện ở trường trung học Luiza…

- Trường trung học…?

- Luiza… Cậu biết thừa đi rồi… Đừng làm bộ ngớ ngẩn…. Cái hôm cha cậu đến đón cả hai cậu bằng xe hơi… Ông già đã chuyển tay lái cho Freddie mà cậu ta thì chưa có bằng lái… Chuyện ấy, cậu đã kể cho mình nghe ít nhất là trăm bận.

Y gật đầu. Vậy ra tôi có một ông bố vẫn đến đón tôi ở trường trung học Luiza? Chi tiết lý thú.

- Còn cậu? tôi hỏi. Cậu vẫn làm công việc với lũ ngựa?

- Mình đã kiếm được một chân giáo sư dạy cưỡi ngựa trong một trường luyện ngựa ở Giverny….

Y lấy một giọng nghiêm trang làm tôi ngạc nhiên.

- Cậu biết là từ khi mình bị tai nạn, là cứ thế xuống dốc….

Tai nạn nào? Tôi không dám hỏi/